TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/ DS-ST
Ngày 10/7/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hải Đăng.
2. Bà Nguyễn Thị Cương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Ông Vi Văn Cảnh, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2017. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân Th, sinh năm 1957 (có mặt).
Địa chỉ: Phố TT, thị trấn NN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã TH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Phố Tân Quang, thị trấn NN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
2. Chị Trần Thị N: Sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã TH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
* Người làm chứng: Anh Lưu Văn C, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã TH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản đối chất ông Vũ Xuân Th trình bầy: Gia đình ông Th có xe ô tô tải chuyên đi chở trâu thuê, anh T là người buôn bán trâu đã nhiều lần ông Th đi chở trâu thuê cho anh T nên có quen biết anh T và nhiều lần anh T mua trâu thiếu tiền đã hỏi vay nóng ông Th vài hôm lại trả không làm giấy tờ gì. Khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 âm lịch năm 2011 hôm đó ông Th không nhớ ngày vào hôm đi mua trâu ở chợ Hoan Bắc Kạn, anh T có thiếu tiền nên bảo ông Th mang tiền theo cho anh T vay mua trâu, do tin tưởng như những lần trước nên ông Th có đưa cho anh T vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) không làm giấy tờ gì. Sau đó khoảng hơn một tháng không thấy anh T trả tiền, ông Th có đến nhà đòi tiền, anh T không có tiền trả và anh T có bảo ông Th viết giấy đi anh T sẽ ký. Ông Th có viết giấy vay tiền đề ngày 22/6/2011 và anh T ký nhận xuống phần người vay tiền và hẹn trả vào ngày 28-5-2012 nhưng đến hẹn anh T không trả tiền ông Th đã đòi nhiều lần đến ngày 29/11/2013 anh T mới trả ông Th được 3.000.000đ còn nợ lại 37.000.000đ (ba mươi bẩy triệu đồng) từ đó đến nay anh T không trả. Nay ông Th làm đơn yêu cầu anh T trả ông Th số tiền còn nợ là 37.000.000đ(ba mươi bẩy triệu đồng) về tiền lãi nay ông Th không yêu cầu tính lãi nữa việc vay mượn này chỉ có anh T vay, chị N không được biết nên ông không yêu cầu chị N phải trả.

* Tại bản khai của bà Nguyễn Thị L trình bầy: Bà là vợ ông Th, năm 2011 ông Th có cho anh T vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) đến năm 2013 anh T mới trả ông Th được 3.000.000đ còn nợ lại 37.000.000đ (ba mươi bẩy triệu đồng) như ông Th trình bầy là đúng. Nay bà yêu cầu anh T trả vợ chồng bà số tiền còn nợ 37.000.000đ (ba mươi bẩy triệu đồng), về tiền lãi bà không yêu cầu.

* Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn T trình bầy: Anh và ông Th có mối quan hệ làm ăn, ông Th đã chở trâu thuê cho anh nhiều lần, cũng có nhiều lần do buôn trâu thiếu tiền nên anh có hỏi vay nóng của ông Th, vào khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 âm lịch năm 2011 hôm đó đi mua trâu ở chợ Hoan, Bắc Cạn anh không nhớ ngày, anh có điện thoại bảo ông Th là "ngày mai đi chở trâu thuê cho cháu và ông có tiền không mang cho cháu vay ít tiền" nhưng anh không nhớ chính xác hỏi vay ông Th bao nhiêu tiền đến hôm sau đi mua trâu có ông Th là người chở thuê trâu, anh C vợ là Thơm ở thôn Đ đi đóng giúp trâu cho anh, do không cần tiền nữa nên anh không vay của ông Th khoảng gần 01 tháng sau ông Th có đến nhà đòi tiền anh mới hỏi tiền gì và đưa cho ai. Ông Th nói tiền hỏi vay mua trâu và ông Th nói đưa cho C. Anh có gọi anh C đến nhà nói chuyện. Khi C đến có đem theo 01

quyển sổ ghi chép trong sổ có ghi "ông Th 2 con trâu" nhưng tôi không hiểu C ghi thế nghĩa là thế nào, quyển sổ này là sổ của anh C nên C giữ. Anh T khẳng định C chỉ là người đi đóng trâu thuê cho anh chứ giữa anh và C không chung vốn buôn bán, giữa anh và Th cũng không chung vốn buôn trâu mà ông Th chỉ là người chở trâu thuê cho anh. Hôm đó C là người cầm tiền và thanh toán tiền trâu cho anh vì do anh hay chơi cờ bạc nên vợ anh có nhờ C cầm tiền và thanh toán tiền mua bán trâu cho anh để anh không có tiền đánh bạc. Anh đã được Tòa án cho xem bản gốc giấy vay tiền đề ngày 22-6-2011 anh khẳng định phần chữ viết và chữ ký trong giấy đó không phải là chữ của anh. Nay ông Th kiện đòi tiền anh khẳng định không được vay tiền ông Th nên không đồng ý trả và cũng không yêu cầu giám định chữ ký.

* Tại bản khai chị Trần Thị N trình bầy: Chị là vợ anh Nguyễn Văn T, vợ chồng chị làm nghề mua bán trâu từ khoảng năm 1998 được khoảng hơn 10 năm sau đó không buôn bán trâu nữa, khi buôn trâu vợ chồng chị tự tìm mua, bán và tự thanh toán tiền không chung vốn với ai, không nhờ ai cầm tiền và thanh toán tiền hộ. Khoảng tháng 6 năm 2011 chuyến mua trâu ở chợ Liên Hoan, Bắc Cạn hôm đó chị không đi cùng anh T, chỉ có anh T và anh C đi với nhau, việc anh C đi với anh T mục đích làm gì chị không biết còn bản thân vợ chồng chị không chung vốn làm ăn buôn bán trâu cùng anh C bao giờ cả, hôm đó anh T có thuê anh C đi đóng trâu không thì chị không biết còn bản thân chị cũng không đưa bất cứ tiền gì cho anh C nên không có việc thanh toán tiền giữa chị và anh C. Việc anh T có vay tiền ông Th hay không chị không biết chị không được vay và cũng không được anh T nói gì về việc vay tiền ông Th và cũng không được anh T đưa cho đồng nào cả.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Lưu Văn C trình bầy: Anh với anh T là quan hệ họ hàng, đã nhiều lần anh đi mua trâu cùng anh T nên có quen biết với ông Vũ Xuân Th ở TT, NN, ông Th là người đi chở trâu thuê cho anh T, còn anh là người đi làm thuê cho anh T, vào khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 năm 2011 anh không nhờ ngày trong một chuyến đi mua trâu ở Chợ Hoan Bắc Cạn về khoảng vài hôm anh có sang nhà anh T thì có thấy ông Th có đến đòi tiền anh T vay, anh T chưa có trả và khất ông Th còn cụ thể anh T vay bao nhiêu tiền và ông Th đưa cho anh T tiền khi nào, anh C không biết và chứng kiến, sau hôm ở nhà anh T về khoảng gần 2 tháng sau anh C có gặp ông Th ở quán nước thì có thấy ông Th nói về việc anh T vay tiền của ông Th mua trâu ông Th lên đòi mãi anh T chưa trả, ông Th có nói số tiền anh T vay khoảng vài chục triệu gì đó nhưng do thời gian lâu anh không nhớ, nhưng anh biết chính xác sau khi mua trâu ở chợ Hoan, Bắc Cạn về

khoảng gần 2 tháng thì anh T chưa trả tiền ông Th. Còn việc anh T có nói do anh T hay đánh bạc nên chị N vợ anh T đưa tiền mua trâu cho anh C giữ và thanh toán tiền khi mua trâu là không đúng, anh không được chị N cũng như anh C đưa tiền cho để trả tiền mua trâu bao giờ cả, việc giao dịch mua trâu và trả tiền đều do anh T tự thanh toán trả, anh đi làm thuê cùng anh T thì có lần anh T nhờ ghi chép số lượng trâu mua và giá tiền từng con anh có ghi chép hộ anh T việc đó là có thật, hôm mua trâu ở chợ Hoan, Bắc Cạn anh cũng là người ghi chép, việc anh T nói trong sổ có ghi " Th 2 con trâu" việc ghi chép do lâu ngày anh không nhớ. Còn việc anh T bảo ông Th đưa tiền cho anh vay mua 2 con trâu là không đúng, anh không được vay tiền, cũng như không chung vốn buôn bán trâu với anh T, anh chỉ là người đi làm công cho anh T. Còn anh T khai không biết chữ, anh sống ở gần nhà anh T nên biết thực tế anh T có biết viết nhưng do chữ xấu nên không mấy khi viết, chứ không phải không biết viết, còn tính toán anh T biết đọc và tính toán rất nhanh và biết ký.

Do anh C thường xuyên đi làm ăn không có nhà nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và phiên tòa xét xử.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chưa chấp hành đúng các qui định của pháp luật.

+ ***Về đường lối giải quyết:*** Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân Th buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông Th số tiền gốc 37.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu số tiền án phí 1.850.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Th khởi kiện anh T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anhT, chị N, bà L, anh C.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2011 đến nay đang được thực hiện nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Do có quen biết, vào khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 năm 2011 ông Vũ Xuân Th có cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền 40.000.000đ để mua trâu, khi vay mượn hai bên chỉ đưa tiền cho nhau vay không làm giấy tờ vay mượn. Sau khi vay tiền được khoảng 2 tháng ông Th không thấy anh T trả tiền nên có đến đòi do chưa có tiền trả nên giữa ông Th và anh T có viết giấy nhận nợ và hẹn đến cuối năm 2011 trả tiền. Đến ngày 29/11/2013 (Âm Lịch) anh T có trả ông Th được 3.000.000đ (Ba triệu đồng) còn nợ lại 37.000.000đ. Từ đó đến nay ông Th đòi tiền nhiều lần nhưng anh T không trả nay ông Th làm đơn khởi kiện đòi anh T số tiền còn nợ là 37.000.000đ (Ba mươi bẩy triệu đồng). Về tiền lãi tại phiên tòa ông Th không yêu cầu trả lãi nữa. Do việc vay tiền ông Th chỉ đưa tiền cho anh T nên ông Th không yêu cầu chị N phải có trách nhiệm trả tiền.

Phía anh T không thừa nhận việc vay nợ, cho rằng chữ ký trong giấy không phải của anh nhưng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định.

Phía ông Th yêu cầu giám định chữ ký trong giấy.

Căn cứ kết luận giám định số 557/PC54 ngày 27/4/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận "Chữ ký T dưới mục người vay ký nhận trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra.

Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy ký nhận nợ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng có đủ căn cứ khẳng định việc anh Nguyễn Văn T có vay tiền của ông Vũ xuân Th để mua trâu đến nay chưa trả vì vậy ông Vũ Xuân Th khởi kiện đòi anh Nguyễn Văn T số tiền còn nợ là 37.000.000đ (ba mươi bẩy triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Việc vay tiền chỉ có anh T vay mượn chị N, vợ anh T không biết,

không được sử dụng số tiền đó nên không có căn cứ buộc chị N phải chịu trách nhiệm cùng anh T trả nợ ông Th:

Đây là khoản tiền chung của vợ chồng ông Th, bà L nên buộc anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả ông Vũ Xuân Th và bà Nguyễn Thị L số tiền 37.000.000đ, về tiền lãi do ông Th đến nay không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Anh T phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về chi phí giám định ông Th nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.000.000đ, chi phí giám định hết số tiền 3.000.000đ, ông Th đã nhận lại số tiền 2.000.000đ. Nay kết luận giám định chứng minh chữ ký đó là của anh T nên anh T phải chịu chi phí giám định 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

Do yêu cầu của ông Th, bà L được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí hoàn trả ông Th 925.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh T phải chịu 1.850.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; Điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 229; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Xử buộc anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân Th, bà Nguyễn Thị L số tiền vay còn nợ 37.000.000đ (Ba mươi bẩy triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về tiền án phí và chi phí giám định:

- Về tiền án phí: Hoàn trả ông Vũ Xuân Th số tiền tạm ứng án phí án phí đã nộp 925.000đ (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số: 02271, ngày 23-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền chi phí giám định: Anh T phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Ông Th được nhận lại 3.000.000đ tiền chi phí giám định do anh T nộp.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt.

Bản án đã được thông qua tại phòng nghị án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh